

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2021

V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn, nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rễn,
2. Ông Lê Hùng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Bích T, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1993

Địa chỉ: khu phố X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh (hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, tỉnh Bình Thuận).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Bùi Thị Bích T đã trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn P trên cơ sở tìm hiểu với

nhau được một thời gian thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 113/2016 ngày 20/9/2016. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P ham chơi, không chăm lo làm ăn và quan tâm chăm sóc gia đình. Mặc dù tôi đã khuyên can nhiều lần nhưng anh P không thay đổi mà ngược lại còn la mắng tôi. Đến năm 2018, anh P vi phạm pháp luật, bị xét xử và đang chấp hành án tại Trại giam Z. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu và không thể hòa giải hàn gắn được nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Tôi và anh P có 01 con chung Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017, hiện đang sống với tôi. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh P không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, theo văn bản trình bày của anh P về tài sản chung hiện tôi đang giữ 03 cây vàng và 250.000.000 đồng, tôi xác định lời trình bày của anh P là không có căn cứ, không chấp. Bởi lẽ, tôi với anh P đều làm thuê thì không tích lũy được tài sản gì. Trong vụ án này do anh P không có tranh chấp về tài sản nên tôi cũng không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn – Anh Nguyễn Văn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P thống nhất về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị T không hạnh phúc nên anh chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Anh P thống nhất giữa anh và chị T có một con chung tên Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017, hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo anh P, tài sản chung giữa anh và chị T là 03 cây vàng và 250.000.000 đồng, hiện do chị T đang giữ. Xét thấy chị T đang nuôi con nên anh với chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Sau này khi anh chấp hành án xong mà không thỏa thuận được việc chia thì anh khởi kiện trong vụ án khác.

- Về nợ chung: Anh P thống nhất giữa anh và chị T không có nợ ai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký; nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm khoản 1 Điều 203 và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát vi phạm khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P.

Về con chung: Ghi nhận việc thỏa thuận về con chung giữa chị T với anh P.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh P không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Bích T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân, nuôi con giữa chị T và anh Nguyễn Văn P, anh P có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh P thống nhất kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 113/2016 ngày 20/9/2016 nên hôn nhân của chị T và anh P là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống, chị T và anh P thống nhất vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 đến nay. Qua làm việc anh P chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, điều đó chứng tỏ đời sống hôn nhân giữa chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh P thống nhất có một con chung tên Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017, hiện đang sống với chị T. Ly hôn, chị T và anh P thống nhất giao cháu A cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận này là phù hợp, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu A nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Bích T đối với anh Nguyễn Văn P. Chị T được ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017 cho chị Bùi Thị Bích T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Bùi Thị Bích T và thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn P thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Bích T và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án dân sự sơ thẩm, cho khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0014181 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thị Bích T và anh Nguyễn Văn P có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- **UBND phường A;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu